

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 205 /2018/HS-PT

Ngày: 06/9/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Trường

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Ân – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 209/2018/TLPT-HS ngày 08 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Lê Thị N, do có kháng cáo của bị cáo Lê Thị N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số:03/2018/HSST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Thị N, sinh ngày 05 tháng 5 năm 1959 tại Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn V, xã B, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê H1 (Liệt sỹ) và bà Phan Thị M (đã chết); có chồng Lê B1 sinh năm 1961 và 02 con (lớn 38 tuổi, nhỏ 36 tuổi); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 21/01/2003, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 03 năm tù về tội “Mua Bán trái phép vật liệu nổ”. Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 08/8/2017 đến ngày 05/02/2018 thì được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trần Thị Hồng M là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Lê Thị N bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 08/8/2017, Lê Thị N nhận được điện thoại của 01 người đàn ông tên Thái (không rõ lai lịch, địa chỉ) nói “*Có 05 bao thuốc nổ giá 40.000.000 đồng có lấy không*”. Nghe vậy, N đồng ý và hẹn địa điểm giao hàng ở gần cầu R, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị. Sau đó, N điện thoại cho anh Hoàng A làm nghề lái xe ô tô dịch vụ biển kiểm soát 75A - 005.32, trú tại: Tổ dân phố 6, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế thuê chở ra Quảng Trị. Khoảng 20 giờ cùng ngày, A điều khiển xe ô tô đến nhà đón N đi ra tỉnh Quảng Trị rồi chạy lên cầu R, huyện Đ, N điện thoại cho Thái hỏi “*Ở chỗ nào*”, Thái nói “*Đây rồi*”. N nhìn thấy Thái đứng bên đường nên bảo anh A dừng xe. Lúc này, Thái đi ra phía sau và nói “*Mở cốp*” Nghe vậy anh A bấm mở cốp xe, Thái và một người đàn ông (không rõ lai lịch, địa chỉ) vác 05 bao thuốc nổ bỏ vào cốp xe. N mở cửa xe lấy 20.000.000 đồng ném cho Thái, rồi bảo A chạy về hướng thành phố Đ1. Khi xe ô tô chạy được một đoạn thì Thái điện thoại cho N nói “*thiếu tiền*” và điều khiển mô tô đuổi theo. N thấy vậy nên lấy tiếp 20.000.000 đồng, mở cửa xe ném cho Thái. Đến khoảng 23 giờ 45 phút cùng ngày, anh A điều khiển xe đi đến thị trấn K, huyện Đ thì bị Công an huyện Đ phát hiện bắt quả tang cùng tang vật.

Quá trình điều tra thu giữ tang vật tài sản gồm: 05 bao có tổng trọng lượng 223,5kg thuốc nổ, 02 điện thoại di động, 01 xe ô tô biển kiểm soát 75A-005.32; 01 giấy phép lái xe ô tô; 01 giấy đăng ký xe ô tô; 01 sổ kiểm định.

Tại bản kết luận giám định số: 419/KLGĐ ngày 15/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị kết luận: Chất rắn dạng cục màu trắng được niêm phong trong 05 phong bì ký hiệu 1, 2, 3, 4, 5 gửi đến giám định có thành phần chính là thuốc nổ Trinitrotoluen (thuốc nổ TNT) còn sử dụng được.

Tính năng tác dụng: Thuốc nổ Trinitrotoluen (thuốc nổ TNT) có công sức phá mạnh, thường được nhồi vào trong bom đạn phục vụ cho mục đích quân sự, tăng tốc độ phá đất, đá...

Trong quá trình điều tra: Các tài sản gồm 01 điện thoại di động; 01 xe ô tô biển kiểm soát 75A-005.32; 01 giấy phép lái xe ô tô; 01 giấy đăng ký xe ô tô; 01 sổ kiểm định xe ô tô không liên quan đến vụ án nên đã trả lại cho chủ sở hữu.

Chuyển 223kg thuốc nổ (còn lại sau giám định) sang Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Trị quản lý theo thẩm quyền; chuyển 01 điện thoại di động sang Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị chờ xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2018/HS-ST ngày 28/3/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 232 Bộ luật Hình sự 1999; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo: Lê Thị N 10 (mười) năm tù về tội “*Mua bán trái phép vật liệu nổ*” thời hạn tù tính từ ngày

bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 08/8/2017 đến ngày 05/02/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của bị cáo.

Ngày 03/4/2017, bị cáo Lê Thị N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, với nội dung: Tòa sơ thẩm xử quá nặng, kính mong Tòa phúc thẩm xem xét xử nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm Kiểm sát viên có ý kiến như sau: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc điểm a khoản 4 Điều 232 BLHS 1999, Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo là đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới, nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ y mức án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo, Trợ giúp viên pháp lý bà Trần Thị Hồng M bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo tuổi cao và bị đau ốm, gia đình có công với cách mạng, bố là liệt sỹ đề nghị xem xét giảm án cho bị cáo.

Bị cáo thống nhất với lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý đề nghị Tòa án phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Sau khi nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 8/8/2017, Lê Thị N đã có hành vi mua bán trái phép 223,5 kg thuốc nổ, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “ Mua bán trái phép vật liệu nổ ” theo điểm a khoản 4 Điều 232 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt tù của bị cáo, thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý vật liệu nổ, ảnh hưởng xấu trật tự an ninh tại địa phương; điểm a khoản 4 BLHS năm 1999 có khung hình phạt từ 15 năm tù đến hai mươi năm hoặc tù chung thân. Tòa án sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả của hành vi phạm tội; áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xem xét nhân thân của bị cáo xử phạt bị cáo mức án 10 năm tù là dưới mức khởi điểm của khung hình phạt là đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới để xem xét. Các quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật. Hội đồng xét xử thấy không

có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù của bị cáo, do vậy giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bị cáo phải chịu 200.000, (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị N và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng vào điểm a khoản 4 Điều 232 Bộ luật Hình sự 1999; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo: **Lê Thị N 10 (mười) năm** tù về tội “*Mua bán trái phép vật liệu nổ*”; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 08/8/2017 đến ngày 05/02/2018.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 03/2018/HSST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Bị cáo Lê Thị N phải chịu 200.000, (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TANDTC
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Trị (bị cáo);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu trữ, Phòng HCTP

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn

